

Số: /BC-SNN

Tây Ninh, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và PTNT năm 2024

Thực hiện Công văn số 11452/VP-TH ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, phát triển kinh tế - xã hội tháng 12 và cả năm 2023.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh báo cáo thực hiện Kế hoạch năm 2023, xây dựng Kế hoạch phát triển năm 2024, cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2023

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm của tỉnh nói chung và kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021 – 2025 nói riêng. Khắc phục được những khó khăn sau giai đoạn đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được phục hồi, các hoạt động đầu tư và mở rộng sản xuất được tăng cường; tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn do tác động bất lợi của thời tiết, nguy cơ dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi vẫn còn hiện hữu.

Ngay từ đầu năm, Lãnh đạo Sở đã chủ động triển khai quyết liệt, nghiêm túc Quyết định số 01/QĐ-UBND, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh¹ các nhiệm vụ theo Quyết định số 355/QĐ-BNN-KH ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT²; đồng thời chủ động chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện và cụ thể hóa các nhiệm vụ trong năm 2023, cụ thể như sau:

Giám đốc Sở đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-SNN ngày 31/01/2023 những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 2023, đồng thời đã chỉ đạo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nội dung trọng tâm năm 2023 để thống nhất, đồng bộ triển khai thực hiện đồng bộ, xuyên suốt và đạt hiệu quả. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng Lãnh đạo Sở, Giám đốc Sở chủ trì họp giao ban để lắng nghe giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu phát triển

¹ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 của UBND tỉnh ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Tây Ninh năm 2023; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2023;

² Quyết định số 355/QĐ-BNN-KH ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2023.

ngành năm 2023.

Trong Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2023, Ngành được giao tham mưu UBND tỉnh 13 nội dung, (gồm 10 nội dung theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 và 03 nội dung đăng ký bổ sung). Đến cuối 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thành việc tham mưu UBND tỉnh ban hành và trình các cấp thẩm quyền ban hành: 10 nội dung³, 01 nội dung⁴ được UBND tỉnh cho chủ trương chuyển tiếp sang năm 2024 và 02 nội dung⁵ được UBND tỉnh cho chủ trương dừng trình.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Nông nghiệp của tỉnh có bước tăng trưởng mạnh nhất kể từ khi thực hiện kế hoạch giai đoạn 2020 – 2025 với tổng giá trị sản phẩm (GRDP) của ngành năm 2023 đạt 21.725 tỷ đồng (giá hiện hành) đóng góp 19,8% trong cơ cấu GRDP của tỉnh, với tốc độ tăng trưởng đạt 3% (vượt kế hoạch 0,9%). Bên cạnh đó, hầu hết các chỉ tiêu của ngành trong chỉ tiêu theo dõi kinh tế - xã hội của tỉnh đều đạt và vượt so với KH, cụ thể như sau:

	Chỉ tiêu	TH năm 2022	KH năm 2023	TH năm 2023	So với KH
1	Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt (triệu đồng/ha/năm)	106	108	109	Vượt 01 triệu đồng
2	Chương trình MTQG xây dựng NTM				
	- Số huyện đạt NTM, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ NTM (tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt)	01	03	03	Đạt 100%
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tỷ lệ xã đạt)	61 xã (85,9%)	65 xã (91,5%)	65 xã (91,5%)	Đạt 100%
	- Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (tỷ lệ xã đạt)	17 xã, (23,9%)	25 xã, (35,2%)	25 xã (35,2%)	Đạt 100%

³ (1) Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/3/2023 về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (2) Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Quyết định Bãi bỏ Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (3) Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 về chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025; (4) Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (5) Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung chi, mức chi của quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tây Ninh; (6) Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh; (7) Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về quy định chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025; (8) Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 quy định nội dung đầu tư, mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại Ngành Nông nghiệp tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2024-2030; (9) Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (10) Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh ban hành Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2023-2030

⁴ Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP giai đoạn 2023- 2025

⁵ (1) Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; (2) Đề án phát triển tổng thể đa mục tiêu hồ thủy lợi Dầu Tiếng giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn 2050.

	- Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (tỷ lệ xã đạt)	02 xã, (2,81%)	03 xã, (4,22%)	03 xã, (4,22%)	Đạt 100%
3	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	16,3	16,3	16,3	Đạt 100%
4	Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn quốc gia (%)	66,2	68,0	68,0	Đạt 100%

Trong năm 2023, Ngành tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên tất cả các lĩnh vực quản lý. Kết quả như sau:

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

a) Trồng trọt

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định sau khi đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát, hầu hết các sản phẩm nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường, được tiêu thụ chủ yếu ở trong nước. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ngày càng rộng rãi, đã góp phần làm tăng năng suất, chất lượng các nông sản trên địa bàn tỉnh.

Tổng diện tích gieo trồng là 386.994 ha, vượt 2,8% so kế hoạch năm (KH) và bằng 99,5% so với cùng kỳ (CK); trong đó cụ thể như sau:

- Cây lúa: 148.488 ha, vượt 10,0% so KH và tăng 0,5% so CK.
- Cây bắp: 5.068 ha, bằng 99% so KH và bằng 98,5% so CK.
- Mì: 61.870 ha, vượt 1,4% so KH và tăng 0,3% so CK.
- Mía: 7.175 ha, vượt 12,1% so KH và tăng 14,7% so CK.
- Rau các loại: 19.159 ha, bằng 94,8% so KH và bằng 99,5% so với CK.
- Đậu phộng: 2.994 ha, bằng 88,1% so KH và bằng 94% so với CK.
- Cây cao su: 99.479 ha, bằng 98,7% so KH và bằng 98,3% so với CK.
- Cây ăn quả: 23.827 ha, bằng 94,9% so KH và tăng 1,1% so với CK.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng với diện tích 1.631,6 ha (bằng 95% so với CK); trong đó chuyển đổi trên đất lúa là 1.467,8 ha⁶, chuyển đổi trên cây trồng khác 163,8 ha, lũy kế đã thực hiện chuyển đổi 40.615 ha, góp phần nâng giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt đạt 109 triệu đồng, tăng 03 triệu đồng so với năm 2022.

b) Bảo vệ thực vật

Diện tích cây trồng nhiễm sâu bệnh hại 171.206 ha lượt nhiễm, tăng 85% so với CK, chủ yếu ở mức nhiễm nhẹ; cục bộ có 300 ha lúa vụ Hè thu nhiễm nặng bộ phận trắng. Riêng bệnh khảm lá/cây khoai mì phát sinh gây hại 38.639 ha (giảm 9,7% so với CK).

Công tác bảo vệ thực vật được tăng cường thực hiện giúp đảm bảo năng suất, chất lượng nông sản cho nông dân: (1) tăng cường công tác phòng chống sinh vật gây

⁶ chuyển đổi sang trồng cây hàng năm là 839,47 ha, cây lâu năm là 619,06 ha.

hại cây trồng, tổ chức 79 lớp tập huấn cho nông dân (đạt 100% so với KH, giảm 36% so với CK), trong đó có 43 lớp tập huấn dịch hại trên cây lúa; (2) công tác đặt bẫy đèn dự báo côn trùng trên lúa được triển khai thực hiện thường xuyên, lũy kế trong năm có 06 đợt rầy nâu di trú vào đèn, nhưng ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng cây lúa; (3) công tác bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật năm 2023, đã hoàn thành trang bị 55/45 bể chứa gom bao bì thuốc BVTV sau sử dụng (vượt 22% so với KH); tổ chức 01 đợt thu gom, tiêu hủy 2.733 kg bao bì thuốc BVTV sau sử dụng tại các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh (tăng 76% so với CK).

1.2. Chăn nuôi – Thú y

a) Chăn nuôi

Mặc dù trong năm tình hình chăn nuôi còn tương đối khó khăn, giá vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi tăng cao nhưng nhìn chung chăn nuôi vẫn được đầu tư phát triển đàn và sản lượng so với CK. Cụ thể :

- Đàn bò: 100.000 con, đạt 95,2% so KH, giảm 3,2% so CK, sản lượng thịt đạt 6.790 tấn giảm 10,1% so CK (trong đó đàn bò sữa đạt 13.000 con, giảm 2,3% so CK; sản lượng sữa đạt 49.800 tấn giảm 2,4% so CK).

- Đàn heo: 297.800 con đạt 119,1% KH, tăng 28,5% so với CK; sản lượng thịt đạt 51.000 tấn, tăng 6% so CK.

- Đàn gia cầm: 9,5 triệu con, đạt 100% KH, tăng 5,6% so với CK; sản lượng thịt đạt 58.000 tấn, tăng 18,4% so CK, sản lượng trứng đạt 780 triệu quả, tăng 20% so CK.

Cơ cấu chăn nuôi tiếp tục chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi quy mô trang trại tập trung, đảm bảo an toàn sinh học. Trên địa bàn tỉnh có 587 trang trại chăn nuôi gia súc với 275.735 con và 109 trang trại chăn nuôi gia cầm với trên 7,7 triệu con (tăng 69 trang trại so CK), tỷ lệ chăn nuôi trang trại đạt 78%, tăng 8% so CK, có 01 huyện Dương Minh Châu được chứng nhận vùng ATDB đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon trên gà và 67 cơ sở chăn nuôi gà, heo, bò được cấp giấy chứng nhận ATDB (46 cơ sở chăn nuôi gà, 19 cơ sở chăn nuôi heo, 02 cơ sở chăn nuôi bò). Ngoài ra, 06 xã thuộc huyện Gò Dầu được chứng nhận cơ sở ATDB đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon trên gà và 09 xã của huyện Bến Cầu được chứng nhận cơ sở ATDB đối với bệnh Lở mồm long móng trên bò. Ngoài ra, Ngành đang hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký vùng ATDB huyện Bến Cầu đối với bệnh LMLM trên bò gửi Cục Thú y đánh giá và cấp giấy chứng nhận ATDB.

Nổi bật trong thời gian qua là thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi mạnh mẽ, từ đầu năm đến nay, Ngành đã thu hút được 17 dự án (07 dự án được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và 10 dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) với tổng vốn đăng ký 1.018,59 tỷ đồng, trong đó: có 16 dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm với tổng vốn đầu tư 1.007 tỷ đồng; 01 dự án nuôi trồng thủy sản với tổng vốn đầu tư 11,59 tỷ đồng. Ngoài ra, đã có 25 dự án lĩnh vực chăn nuôi đi vào hoạt động. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 146 dự án lĩnh vực chăn nuôi đang hoạt động. Ngoài ra, Ngành nuôi chim yến phát triển mạnh, đã thực hiện thẩm định 198 dự án xin xây dựng với 291 nhà yến (giảm 15% so với CK). Trong đó có: 204 nhà yến được trả lời phù hợp, 32 nhà yến không phù hợp, 09 nhà yến xin rút đơn và 46 nhà yến đang lấy ý kiến các huyện về vị trí đề nghị xây dựng nhà yến. Lũy kế đến nay toàn tỉnh có khoảng 1.000 nhà yến, trong đó có 800 nhà yến hiện hữu, các nhà yến còn lại đang đầu tư xây dựng.

b) Công tác thú y

Trên địa bàn tỉnh bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm không xảy ra. Tuy nhiên, công tác phòng chống dịch bệnh vẫn duy trì được thực hiện tốt, đã ban hành và triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2023: (1) tiêm phòng gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với 1,83 triệu liều vắc xin các loại (đạt 100% KH), mạng lưới thú y cơ sở tiêm phòng được 196.000 liều; (2) 02 đợt tiêu độc khử trùng với tổng số thuốc sát trùng là 6.000 lít, tổng diện tích phun xịt khoảng 12.000.000 m² (đạt 100% KH); (3) kiểm dịch xuất tỉnh trên 302.000 con gia súc; 19,6 triệu con gia cầm và 8.270 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ trên 410.000 con gia súc và 4,6 triệu con gia cầm.

2. Thủy sản

Diện tích nuôi trồng duy trì so với CK, đạt 566 ha, đạt 98,4% so KH, giảm 2,1% so CK; tổng sản lượng nuôi trồng đạt 13.056,7 tấn, vượt 7,8% so với KH và giảm 4,3% so với CK; sản lượng thủy sản khai thác đạt 2.044,43 tấn, đạt 99% so với KH và tăng 1,83% so với CK. Thủy sản giống đạt 52,65 triệu con, vượt 9,7% so với KH, bằng 98,8% so CK. Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất nuôi trồng thủy sản khoảng 857 triệu đồng/năm (tăng 109 triệu đồng/năm so CK).

Tổ chức Hội nghị triển khai Đề án phát triển vùng nuôi trồng chuyên canh thủy sản gắn với hệ thống kênh thuộc công trình thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa giai đoạn 2021 – 2025, kết quả như sau: (1) thực hiện công tác cảnh báo môi trường, dịch bệnh thủy sản: đã lấy 6 mẫu nước sông theo dõi, đưa ra những cảnh báo, khuyến cáo diễn biến bất thường của môi trường hoặc nguy cơ ô nhiễm; (2) cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản cho 01 hộ cá thể; (3) hỗ trợ 02 cơ sở nuôi thủy sản đăng ký áp dụng VietGAP; (4) thu hút dự án đầu tư nuôi 50 ha cá tra của Công ty Cổ phần Hải Đăng tại xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu. Bên cạnh đó, nhằm tái tạo, phục hồi nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường trong hồ Dầu Tiếng, đã tổ chức thả cá giống với 256.688 con các loại⁷.

3. Lâm nghiệp

Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR, ngăn chặn việc khai thác, mua bán, vận chuyển, phá rừng, động vật trái pháp luật, ngành đạt được một số kết quả như sau:

- **Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên:** quản lý và bảo vệ toàn bộ 66.569,09 ha rừng hiện có (46.424,97 ha rừng tự nhiên, 20.144,12 ha rừng trồng); rà soát, kiểm tra những diện tích có khả năng tái sinh phát triển thành rừng đưa vào thiết kế đầu tư khoanh nuôi giai đoạn mới.

- **Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:** trồng mới được 608,1 ha⁸ rừng (vượt 34,5% so với KH, tăng 398,1 ha so với CK), nguồn giống cây trồng đưa vào trồng rừng đảm bảo đủ số lượng và đạt chất lượng theo quy định. Chăm sóc 602 ha rừng trồng phòng hộ và rừng đặc dụng (đạt 100% KH), thực hiện tốt các công đoạn bảo vệ, chăm sóc, trồng dặm và chống cháy đảm bảo rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống cao.

⁷ Gồm: cá Mè hoa (48.760 con); cá Trắm cỏ (45.099 con); cá Chép (50.323 con); cá tra (46.306 con); cá Sặc rằn (45.400 con); Tôm càng xanh (20.800 con).

⁸ Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng: 564,3 ha; Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen: 33 ha; Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát: 10,8ha

- **Trồng cây phân tán:** thực hiện Dự án Trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025; năm 2023 tỉnh đã phân bổ 366.000 cây giống các loại cho các tổ chức, cơ quan và cá nhân trồng phân tán trên địa bàn tỉnh (*đạt 100% so với KH*). Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân tự gieo ươm trồng phân tán khoảng 500.000 cây giống các loại.

- **Công tác phòng cháy chữa cháy rừng:** đã tổ chức 37 cuộc kiểm tra định kỳ công tác PCCCR ở các khu rừng trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời phát hiện những mặt hạn chế, yêu cầu các Ban quản lý rừng thực hiện ngay các biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, do thời tiết nắng nóng gay gắt, kéo dài trên địa bàn tỉnh, đến nay đã xảy ra 06 vụ cháy rừng với diện tích 9,15 ha rừng, gây thiệt hại thảm thực vật dưới tán rừng, cây rừng ít bị ảnh hưởng và đã phục hồi sau khi có mưa. Hiện đang phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và triển khai thực hiện phương án PCCCR mùa khô 2023 – 2024.

- **Công tác xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp:** xảy ra 132 vụ vi phạm quy định về Luật Lâm nghiệp (*tăng 62 vụ so với CK*), số vụ vi phạm tăng chủ yếu do vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng như mang công cụ, dụng cụ trái phép vào rừng, đặt bẫy bắt động vật hoang dã, vi phạm các quy định về quản lý hồ sơ lâm sản,... đã điều tra, xác minh xử lý hành chính 105 vụ, 03 vụ chuyển Công an khởi tố vụ án hình sự. Tổng số tiền xử phạt và thu nộp ngân sách trên 186 triệu đồng và một số tang vật khác có liên quan.

- **Về tía thừa rừng trồng, khai thác cây cao su** hết chu kỳ khai thác mù, khai thác cây trồng phân tán trong nhân dân khoảng 53.600 m³, trong đó tía thừa rừng trồng với diện tích 1.250 ha, sản lượng 33.075 m³.

- **Về xử lý các sai phạm trên đất lâm nghiệp:** (1) Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND⁹, đã xử lý và đưa vào trồng rừng diện tích 1279,1ha/899 trường hợp, đạt 93,4% so với KH; (2) Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND¹⁰ tỉnh đã giải quyết được 990,27 ha/302 trường hợp, đạt 93,7%, so với KH. (3) Thực hiện các nội dung theo Kết luận thanh tra số 1897/KL-UBND ngày 17/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đến nay đã hoàn thành 07/10 nội dung, hiện đang thực hiện 03 nội dung còn lại.

- **Cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ:** toàn tỉnh hiện có 88 cơ sở kinh doanh, chế biến gỗ¹¹, hầu hết các cơ sở cửa xẻ gỗ có quy mô sản xuất nhỏ, lẻ (hộ gia đình). Công nghệ chế biến gỗ ngày càng hiện đại, tỷ lệ lợi dụng gỗ cao, nâng cao giá trị lâm sản, góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- **Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR):** thu DVMTR trên 8,3 tỷ đồng (vượt 4,3% so với KH, bằng 58,3% so với CK); chi trả cho chủ rừng cung ứng DVMTR là 4,3 tỷ đồng.

Ngoài ra đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh lấy ý kiến các bộ, ngành đối với 02 dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng. Kết quả: Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1380/TTg-NN ngày 19/12/2023 về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng

⁹ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch xử lý vi phạm trồng cây nông nghiệp trái quy định trên đất quy hoạch lâm nghiệp tại Khu rừng Văn hóa – Lịch sử Chàng Riệc và khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng.

¹⁰ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch xử lý tài sản (cây trồng) trên đất khi thu hồi, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp trùng trên đất quy hoạch lâm nghiệp và các trường hợp có Hợp đồng, Giấy xác nhận cho trồng cây không đúng mục đích, sai quy hoạch lâm nghiệp

¹¹ gồm 09 cơ sở kinh doanh gỗ xây dựng, 44 cơ sở chế biến gỗ và 35 cơ sở cửa xẻ gỗ.

để thực hiện Dự án xây dựng cửa khẩu quốc tế Tân Nam, tỉnh Tây Ninh với diện tích 17,95 ha. Riêng diện tích 29,22 ha rừng tự nhiên chuyển sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu tham quan chuyên đề, nghỉ dưỡng trên đỉnh núi Bà Đen, Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen, UBND tỉnh đã có giải trình bổ sung ý kiến thẩm định hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 4205/UBND-KT ngày 22/12/2023.

4. Công tác khuyến nông, ứng dụng khoa học công nghệ và hỗ trợ phát triển sản xuất

Các đề án, dự án, mô hình khuyến nông, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất tiếp tục được ngành tích cực triển khai thực hiện ngay từ đầu năm theo kế hoạch, cụ thể:

- Triển khai thực hiện 13 mô hình khuyến nông¹² nhằm chuyển giao về giống, các tiến bộ khoa học kỹ thuật thuộc các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo mục tiêu của đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh. Hiện đã tổ chức 13 cuộc tổng kết mô hình khuyến nông và đang hoàn tất hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

- Phối hợp Viện Di truyền Nông nghiệp, Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế và Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc thực hiện 03 mô hình khảo nghiệm với 298 dòng mì mới có tính kháng khảm với tổng diện tích khảo nghiệm là 1,6 ha, hiện cây đang sinh trưởng và phát triển tốt, nhằm chọn dòng khoai mì có tính kháng khảm tốt để nhân rộng phục vụ nhu cầu sản xuất của người dân trồng mì trong tỉnh. Đã công bố tính kháng của 06 giống (HN1, HN5, HN3, HN36, HN80, HN97) và cung cấp khoảng 2.000 ha giống mì kháng bệnh khảm cho người dân sản xuất, đảm bảo năng suất và sản lượng cây mì.

- Đã tổ chức 6 chuyên học tập kinh nghiệm và 13 buổi tập huấn, cuộc hội thảo chuyên đề tạo điều kiện cho nông dân trên địa bàn tỉnh được tiếp cận những mô hình sản xuất nông nghiệp hay, hiệu quả phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Tây Ninh để vận dụng vào thực tế; tăng cường tính kết nối, liên kết sản xuất với các tỉnh; nông dân nắm thêm thông tin về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ vốn, liên kết sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa vào sản xuất, nắm vững quy trình canh tác, nuôi trồng, chăm sóc và phòng trị bệnh,... trên cây trồng, vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

- Tổ chức triển khai dự án nhân giống sản mới kháng bệnh gán với nhà máy tiêu thụ tại Tây Ninh (nguồn vốn Khuyến nông Quốc gia), được phê duyệt tại Công văn số 299/KN-KHTC ngày 08/5/2023 của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

- Thực hiện đề tài cấp tỉnh “Xây dựng quy trình canh tác hữu cơ trên măng cầu ta và cây bưởi da xanh ruột hồng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN- 11041:2017 tại tỉnh Tây Ninh”, hiện đang hoàn chỉnh các thủ tục để thực hiện 01 đề tài cấp cơ sở: “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu EM (Effective Microorganisms) thứ cấp trong chăn nuôi gà thịt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”.

- Công tác triển khai quản lý và cấp mới mã số vùng trồng được thực hiện thường xuyên: (1) mã số vùng trồng: cấp 09 mã số vùng trồng nội địa (45,7 ha) và 05 vùng trồng xuất khẩu (44 ha); hiện có 19 mã số vùng trồng xuất khẩu (599 ha) đang chờ nước nhập khẩu phê duyệt. (2) mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu: cấp mã số cho 01 cơ sở đóng gói sầu riêng xuất sang thị trường Trung Quốc, 01 cơ sở đang chờ nước

¹² 07 mô hình trồng trọt ; 03 mô hình chăn nuôi; 03 mô hình thủy sản

nhập khẩu phê duyệt. Ngoài ra, đã hướng dẫn các tổ chức/cá nhân đã được cấp mã số thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu, truy xuất nguồn gốc tại 02 địa chỉ web¹³.

- Các vườn cây ăn trái cũng có xu hướng cơ giới hóa trên nhiều khâu chăm sóc với các loại máy: xới cỏ, tưới phun, tưới nhỏ giọt, hệ thống tưới nước và phân bón. Hệ thống nhà lưới, nhà màng kết hợp các kỹ thuật tưới tiết kiệm, cung cấp dinh dưỡng qua hệ thống tưới, điều tiết ẩm độ, ánh sáng cho gần 35 ha (dưa lưới, rau ăn lá); kỹ thuật tưới phun mưa, nhỏ giọt cho các loại cây trồng mía, mì, cây ăn quả... với tổng diện tích đạt 121.982 ha. Tỷ lệ diện tích áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 31% (tăng 1% so CK); tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 37,8% (tăng 0,9% so CK).

- Liên kết sản xuất – tiêu thụ được quan tâm xây dựng trên các sản phẩm như: mì, mía, măng cầu, chuối, lúa, heo, gà, bò sữa, bò thịt.....Phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện 03 chuỗi¹⁴ cung ứng thịt heo an toàn gồm 99 cửa hàng. Tỷ lệ sản xuất liên kết trong chăn nuôi cuối năm đạt 34% (tăng 1% so với CK).

5. Hoạt động chế biến nông sản

5.1. Chế biến mía đường

Nhà máy đường Thành Thành Công - Biên Hoà đã ký hợp đồng đầu tư và bao tiêu niên vụ 2022-2023 với diện tích mía đã trồng, đầu tư và chăm sóc là 13.422 ha, trong đó: đầu tư trong tỉnh là 4.824 ha; đầu tư tại Campuchia là 8.598 ha. Lượng mía đưa vào sản xuất là 892.715 tấn mía (tăng 93% so CK); lượng đường sản xuất là 81.793 tấn đường; CCS bình quân 9,54 CCS; tạp chất bình quân 3,64%; tỷ lệ xơ bình quân 17,95%. Giá thu mua mía cơ bản 10 CCS tại ruộng trên phương tiện vận chuyển là 950.000 đồng/tấn, tăng 50.000 đồng/tấn so với CK, ngoài ra có hỗ trợ thu hoạch, hoàn thành hợp đồng, các khoản thưởng và bảo hiểm chữ đường 9CCS. Từ ngày 21/11/2023 cho đến nay, Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa đi vào hoạt động vụ chế biến 2023-2024 dự kiến diện tích mía đã trồng, đầu tư và chăm sóc là 16.864 ha (7.042 ha trong tỉnh, 9.822 ha tại Campuchia)¹⁵.

Công tác giám sát chữ đường: tổng số mẫu được kiểm tra, giám sát là 550 mẫu lưu (dịch mía ép), kiểm tra đối chứng tại chỗ và đem kiểm tra đối chứng tại Trung tâm 3 (TT3) 129 mẫu dịch mía ép và 05 mẫu xơ mía. Kết quả: (1) đối chứng tại chỗ: các mẫu đo thấp hơn kết quả đo của công ty; (2) kiểm tra đối chứng tại TT3: 129 mẫu đo tại TT3 có kết quả thấp hơn kết quả đo của công ty, 05 mẫu xơ có tỷ lệ phân % cao hơn kết quả của công ty.

5.2. Chế biến mì

Khối lượng củ mì đưa vào chế biến khoảng 3.970.225 tấn, tăng 1,79% so với CK, sản xuất được 992.556 tấn bột (sản xuất công nghiệp là 3.374.692 tấn củ, sản xuất được 843.673 tấn bột; cơ sở vừa và nhỏ là 595.533 tấn củ, 148.883 tấn bột). Giá thu mua củ mì tươi dao động từ 3.300 – 3.500 đồng/kg (30 chữ bột). Thực hiện 12 lượt kiểm tra, giám sát 33 doanh nghiệp sản xuất, chế biến mì chấp hành tốt các quy định về điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ, con người, hồ sơ pháp lý có liên quan,

¹³ Nội địa: <https://csdltrongtrot.mard.gov.vn/#/pages/home>; xuất khẩu: <https://msvt-csdg.ppd.gov.vn>

¹⁴ chuỗi của hệ thống Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam: 20 cửa hàng; chuỗi của hệ thống siêu thị Coop mart: 8 cửa hàng; chuỗi của hệ thống siêu thị Bách hóa xanh: 70 cửa hàng.

¹⁵ Lượng mía đưa vào sản xuất trong vụ mới 2023 - 2024 đạt 131.934 tấn mía, sản xuất được 9.315 tấn đường, CCS bình quân: 8,9, tạp chất bình quân: 3,01%; tỷ lệ xơ bình quân: 15,80%.

tổng số mẫu được giám sát là 15 mẫu, kết quả kiểm tra đạt yêu cầu về chất lượng ATTP đủ điều kiện xuất khẩu.

6. Thủy lợi, nước sạch và VSMTNT, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

6.1. Công tác thủy lợi

Hoàn thành đưa vào vận hành dự án tưới tiêu phía Tây sông Vàm Cỏ Đông (giai đoạn 1), chỉ đạo đơn vị quản lý, vận hành công trình thủy lợi, điều tiết đảm bảo nguồn cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp với diện tích 150.270,6 ha¹⁶ (vượt 0,59% so với KH, tăng 0,57% so với CK). Lập hồ sơ hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi ước thực hiện ước kinh phí hỗ trợ trên 71,3 tỷ đồng (vượt 0,42% so với KH, tăng 0,4% so với CK).

Thực hiện chữa kênh mương với kinh phí: 4,5 tỷ đồng/06 hạng mục (nguồn sự nghiệp thủy lợi), 21,5 tỷ/18 hạng mục (nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi); thực hiện đạt 100% so với KH. Xử lý 52 trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi từ đầu năm đến nay có 352/767 trường hợp vi phạm, đạt 45,8% so với KH.

6.2 Nước sạch và VSMTNT

Tiếp nhận quản lý vận hành hệ thống cấp nước Một Bài với công suất 7.000 m³/ngày.đêm và đầu nối, hòa mạng lưới cấp nước gồm 07 công trình cấp nước: Bình Hòa 1 (370 hộ), Bình Hòa 2 (582 hộ), Bình Quới (197 hộ), Phước Thành 1 (369 hộ), Phước Thành 2 (195 hộ) của xã Phước Bình; Phước Hưng mới (185 hộ), Phước Hưng 2 (363 hộ) của xã Phước Chi), đưa vào vận hành Công trình cấp nước KDC Cầu Sài Gòn 2 tại ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu với công suất 2.300 m³/ngày.đêm nâng tổng số công trình do Ngành đang quản lý, vận hành và khai thác 73 công trình cấp nước¹⁷; tổng công suất thực tế với công suất thiết kế 11.847/21.774 m³/ngày.đêm, cấp nước cho 24.830/27.208 hộ dân (đạt 91,26% số hộ thiết kế), tăng thêm 4.241 hộ so với năm 2022; đa số công trình cấp nước có công nghệ xử lý nước đơn giản, quy mô, công suất nhỏ, công suất thiết kế từ 50 đến 500 m³/ngày.đêm; các công trình hoạt động liên tục 16 giờ/ngày (từ 5 giờ đến 21 giờ), cấp nước cho khu vực dân cư tập trung từ 50-500 hộ dân; thu tiền nước tính đến cuối tháng 12/2023 đạt 18,9 tỷ đồng (tăng 2,2 tỷ so với CK).

Thực hiện kiểm tra, giám sát, lấy mẫu giám sát chất lượng nước định kỳ (03 tháng/lần) tại 60/73 công trình cấp nước tập trung. Theo dõi và sửa chữa các công trình cấp nước và ứng dụng phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước CityWork trong công tác quản lý, vận hành nhằm đảm bảo cung cấp đủ nước và đạt chất lượng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh cả năm đạt 99,6% (tăng 0,2% so CK); Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt cả năm đạt 68% (bằng 100% so KH, tăng 2% so với CK).

6.3. Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN)

¹⁶ Vụ Đông Xuân 2022-2023: 48.023,65 ha, vụ Hè Thu năm 2023: 50.851,33 ha, vụ Mùa: 51.396 ha.

¹⁷ tăng 03 công trình cấp nước do Ngành quản lý, vận hành: Công trình cấp nước KDC Cầu Sài Gòn 2 tại ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu; Công trình cấp nước ấp Trảng Trai, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu và Hệ thống cấp nước Khu đô thị Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành kịp thời các Kế hoạch¹⁸ về PCTT và TKCN, triển khai thực hiện Đề án Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt có nguy cơ xảy ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Thường xuyên thông tin về thiên tai, bản tin dự báo thiên tai (mưa lớn, sét, dông) có nguy cơ xảy ra tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, cung cấp thông tin kịp thời (zalo, email) giúp Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp chủ động chỉ đạo, điều hành và giảm nhẹ ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

Xảy ra 79 vụ thiên tai (*giảm 27 vụ so với CK*), tổng giá trị thiệt hại 12.482 triệu đồng; đã chi hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra 1.295 triệu đồng/891,28 ha/976 hộ/03 huyện, thị xã/13 xã, thị trấn; nhà cửa bị hư hại 28 triệu đồng/26 hộ/03 huyện, thị xã.

Kiện toàn tổ chức Quỹ PCTT tỉnh Tây Ninh theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai, theo đó thành lập Hội đồng quản lý Quỹ, cơ quan quản lý Quỹ, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ PCTT tỉnh Tây Ninh¹⁹ đồng thời tham mưu ban hành Quy định nội dung chi, mức chi của quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Tây Ninh²⁰; triển khai kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Về quản lý Quỹ PCTT 2023: thu Quỹ PCTT 6.178 triệu đồng²¹ (tăng 140 triệu đồng so CK), chi Quỹ PCTT 4.697 triệu đồng (giảm 6.593 triệu đồng so CK); tồn Quỹ PCTT tỉnh Tây Ninh chưa sử dụng 29.997 triệu đồng.

7. Tình hình thực hiện xây dựng cơ bản

Tổng số vốn đầu tư công được giao là 174.558 triệu đồng (ngân sách Trung ương 30.040 triệu đồng, ngân sách địa phương 144.518 triệu đồng) để thực hiện 44 dự án (02 dự án chuẩn bị đầu tư, 17 dự án chuyển tiếp, 15 dự án khởi công mới và 10 dự án thanh toán khối lượng hoàn thành). Kết quả giải ngân đến hết ngày 29/12/2023: 171.259 triệu đồng (ngân sách Trung ương 30.040 triệu đồng, ngân sách địa phương 141.219 triệu đồng), đạt 98,11% so với KH và tăng 7,75% so với CK. Ước giải ngân năm 2023: 174.558 triệu đồng (ngân sách Trung ương 30.040 triệu đồng, ngân sách địa phương 144.518 triệu đồng), đạt 100% so với KH.

(Chi tiết xem phụ lục III kèm theo)

* *Dự án trọng điểm Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông:*

+ Giai đoạn 1: dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và bàn giao Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh quản lý, khai thác cung cấp nước tưới cho 10 xã thuộc 02 huyện Châu Thành, Bến Cầu.

+ Giai đoạn 2: đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2 (kiến cố hóa kênh chính, kênh cấp 1, 2, 3 và kênh tiêu)

¹⁸ Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai năm 2022 và đề xuất kế hoạch thực hiện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; đánh giá công tác phòng, chống thiên tai cấp tỉnh theo Bộ chỉ số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; kế hoạch diễn tập nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2024 – 2025; Báo cáo các hoạt động phòng, chống thiên tai phục vụ công tác kiểm tra của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai...

¹⁹ Quyết định số 1831/QĐ-HĐQLQPCTT ngày 05/9/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ PCTT tỉnh Tây Ninh

²⁰ Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh

²¹ Không tính kinh phí 2.060 triệu đồng do UBND cấp huyện nộp tiền thu Quỹ PCTT năm 2022 về Quỹ PCTT tỉnh Tây Ninh trong năm 2023.

tại Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 27/11/2023.

* *Triển khai thực hiện các dự án quan trọng:* Sửa chữa hồ Tha La, huyện Tân Châu (đã bắt đầu triển khai thi công vào ngày 15/12/2023); Trạm bơm Tân Long, huyện Tân Châu Thành (triển khai thi công 03 gói thầu số 6, 8, 9 từ ngày 25/11/2023; đã lựa chọn nhà thầu thi công 03 gói thầu 7, 10, 11, 12).

8. Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) và các chương trình phát triển nông thôn khác

8.1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Tiếp tục duy trì 61/71 xã đã đạt chuẩn NTM, 17 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao và 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ NTM; phấn đấu cuối năm 2023 tăng thêm 04 xã đạt chuẩn NTM, 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 65 xã (chiếm 91,5%), tổng số xã đạt chuẩn NTM nâng cao lên 25 xã (chiếm 35,2%), 03 đơn vị cấp huyện duy trì nhiệm vụ xây dựng NTM; trong đó 100% xã biên giới đạt chuẩn NTM. Số tiêu chí bình quân/xã là 17,6 tiêu chí.

- Thêm 24 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP. Lũy kế, toàn tỉnh có 90 sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP, trong đó: 65 sản phẩm được xếp hạng 03 sao; 24 sản phẩm được xếp hạng 04 sao; 01 sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao (đã được đánh giá xếp hạng 04 sao năm 2020 và đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia). Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho các đối tượng tham gia trên hệ thống phần mềm OCOP trên địa bàn tỉnh (đợt 2), phối hợp với VNPT tỉnh tổ chức 03 lớp tập huấn theo cụm cho các đối tượng là chủ thể sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (cách thức đăng ký tài khoản, đăng ký hồ sơ, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, đăng tin cung cầu các sản phẩm về nông nghiệp và tương tác với hệ thống với vai trò của cá nhân và doanh nghiệp); cán bộ quản lý tham gia vào quá trình tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, chấm điểm hồ sơ OCOP.

8.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Ban hành văn bản liên Sở số 2326/HDLN-SLĐTBXH-SNNPTNT ngày 15/8/2023 hướng dẫn triển khai thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025; tổ chức 08 lớp tập huấn triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 và nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo trên địa bàn 9 huyện, thị xã, thành phố với gần 900 cán bộ, cộng tác viên cấp huyện, xã tham gia; khảo sát tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2023.

Báo cáo sơ kết giữa kỳ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; tổ chức Đoàn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023 (2 đợt)

Trong năm, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thẩm định và phê duyệt được 51 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (49 dự án chăn nuôi bò sinh sản, 01 dự án chăn nuôi bò sinh sản và nuôi heo lấy thịt, 01 dự án trồng rau), dự kiến hỗ trợ 437 con bò cho 403 hộ nghèo, cận nghèo và người khuyết tật (hộ nghèo: 28, hộ cận nghèo: 135, hộ mới thoát nghèo: 111, người khuyết tật: 123, trong đó: có 16 hộ là

dân tộc thiểu số, 03 phụ nữ thuộc hộ nghèo...) tham gia dự án, tổng kinh phí phân bổ là 10.433,7 triệu đồng. Các địa phương dự kiến giải ngân được 8.787/10.433,7 triệu đồng (đạt 84% KH) vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Dự án 2 Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

8.3. Về quy hoạch, bố trí và ổn định dân cư

Phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện chương trình bố trí dân cư; báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh năm 2023; đôn đốc, hướng dẫn UBND cấp huyện khẩn trương xây dựng Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2023 – 2025 và năm 2024; Kế hoạch số 4005/KH-SNN ngày 07/9/2023 kiểm tra tình hình thực hiện chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh năm 2023; trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình sử dụng nguồn vốn dự phòng của tỉnh và nhu cầu dự án bố trí dân cư cấp bách năm 2024; triển khai tăng cường thực hiện các dự án bố trí ổn định dân cư, thiên tai cấp bách và dự án bố trí dân di cư tự do năm 2023, năm 2024.

8.4. Phát triển kinh tế tập thể

- Tham mưu Sở: trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 3249/KH-UBND ngày 30/10/2023 triển khai thực hiện Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18/7/2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp năm 2024.

- Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN): toàn tỉnh có 120 HTXNN (*thành lập mới 10 HTXNN, giải thể 05 HTXNN*), tăng 5 HTXNN so với CK, trong đó: 31 HTXNN trồng trọt, 07 HTXNN chăn nuôi, 02 HTXNN nuôi trồng thủy sản, 10 HTXNN dịch vụ thủy lợi, 70 HTXNN tổng hợp; số HTXNN nông nghiệp hoạt động hiệu quả 84/120 HTXNN, chiếm 70%; 25/120 HTXNN ứng dụng công nghệ cao; 80/120 HTXNN tham gia chuỗi liên kết. Số thành viên là 3.880 thành viên. Số lượng lao động 1.600 lao động; doanh thu bình quân là 950 triệu đồng/năm/HTXNN; lãi bình quân là 351 triệu đồng/năm/HTXNN; thu nhập bình quân lao động thường xuyên trong HTXNN nông nghiệp là khoảng 55 - 60 triệu đồng/lao động/năm (*khoảng 5,5-6,5 triệu đồng/tháng/người*).

- Tổ hợp tác nông nghiệp (THTNN): toàn tỉnh có 104 THTNN (*tăng 04 THT với CK*) với 2.000 thành viên, trong đó: 50 THTNN trồng trọt, 18 THTNN chăn nuôi, 15 THTNN nước sạch, 03 THTNN thủy sản và 15 THTNN tổng hợp; ngừng hoạt động 03 THT. Các THT chủ yếu tổ chức các dịch vụ phục vụ thành viên và các hộ nông dân tại địa phương. Doanh thu THT chủ yếu là doanh thu của thành viên, trung bình 500 triệu đồng/năm, lãi bình quân của THT: 100 triệu đồng/năm. Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong THT: 55 triệu đồng/người/năm.

8.5. Công tác đào tạo nghề nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn

- Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: hướng dẫn các địa phương thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo Quyết định 1184/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023. Kết quả thực hiện 46 lớp đào tạo nghề nông nghiệp, số lượng 1.445 người tham gia học nghề nông nghiệp (đạt 100% KH).

- Phát triển ngành nghề nông thôn: tham mưu Sở trình UBND tỉnh Kế hoạch 1024/KH-UBND ngày 10/4/2023 phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Tây Ninh năm 2023; phối hợp các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các Chương trình, dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn năm 2023. Trên địa bàn tỉnh có khoảng 73 doanh nghiệp, 21 hợp tác xã, 03 tổ hợp tác và 17.057 hộ gia đình trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động lĩnh vực ngành nghề nông thôn; tổng số lao động tham gia hoạt động lĩnh vực ngành nghề nông thôn ước khoảng 49.761 lao động; giá trị sản lượng các sản phẩm ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt ước khoảng 9.459 tỷ đồng (tăng 4.476 tỷ đồng so với năm 2022). Ngày 14/02/2023, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có Quyết định số 230/QĐ-BVHTTDL về việc công bố Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia đối với Nghề thủ công truyền thống nghề làm muối ớt Tây Ninh. Đến nay, UBND tỉnh đã có Quyết định công nhận 12 nghề truyền thống và 01 làng nghề truyền thống, hiện có 402 hộ và 01 hợp tác xã đang hoạt động các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống với 970 lao động thường xuyên, mang lại tổng giá trị sản phẩm hàng hoá ước đạt khoảng 50,4 tỷ đồng.

8.6. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn

- *Chính sách hỗ trợ lãi vay*²²: 08 dự án đã được phê duyệt, trong đó có 01 dự án phê duyệt năm 2023 với kinh phí 253 triệu đồng, kiểm tra và giải ngân kinh phí 07 dự án hỗ trợ lãi vay với số tiền 1.118/2.400 triệu đồng, đạt 46,5% kinh phí giao; hoàn trả ngân sách 1.281,8 triệu đồng. Tính từ khi ban hành chính sách đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt 14 dự án với tổng kinh phí hỗ trợ 12 tỷ đồng, kinh phí giải ngân 5,8 tỷ đồng (giải ngân theo tiến độ thực hiện từng năm).

- *Chính sách hỗ trợ liên kết*²³: 03 dự án được UBND huyện phê duyệt với tổng kinh phí hỗ trợ là 2.722 triệu đồng. Tính từ khi ban hành chính sách đến nay, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt 01 dự án, UBND cấp huyện đã phê duyệt 12 dự án với tổng mức đầu tư trên 297 tỷ đồng, trong đó kinh phí được phê duyệt hỗ trợ 53,9 tỷ đồng, kinh phí đã giải ngân 35 tỷ đồng.

- *Chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022-2025*²⁴: Ngành đã tiếp nhận 34 hồ sơ đăng ký áp dụng và hỗ trợ quy trình VietGAP (26 hồ sơ lĩnh vực trồng trọt (127,4 ha), 08 hồ sơ lĩnh vực chăn nuôi (6 ha). Tính đến nay đã ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí cho 29 hồ sơ, trong đó: 22 hồ sơ lĩnh vực trồng trọt với 677,9 triệu đồng và 07 hồ sơ lĩnh vực chăn nuôi heo, bò với số tiền 224 triệu đồng. Các hồ sơ còn lại, Ngành đang hoàn chỉnh các thủ tục để ban hành quyết định hỗ trợ theo quy định.

- *Chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*²⁵: (1) lồng ghép nội dung triển khai và hướng dẫn Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND tại Hội nghị Sơ kết 05 năm thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh vào ngày 18/5/2023; (2) đã ban hành Hướng dẫn số 3659/HD-SNN ngày 15/8/2023 về thực hiện chính sách hỗ trợ; UBND tỉnh đã giao vốn cho UBND các huyện, thị xã, thành phố với kinh phí 4,901 tỷ đồng tại Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022, tuy nhiên trong quá trình thực hiện các địa phương còn gặp khó khăn do đó Sở đã thành lập Đoàn kiểm tra tháo gỡ khó khăn vướng mắc

²² Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh.

²³ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh.

²⁴ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

²⁵ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh.

theo đó Đoàn đã đề nghị UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã triển khai đến các tổ chức thủy lợi cơ sở nội dung Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND và thành lập, kiện toàn, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở để tham gia đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đáp ứng theo quy định.

- *Chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025*²⁶: (1) tổ chức Hội thảo giới thiệu chính sách ngày 27/10/2023 và thông cáo báo chí theo quy định; (2) ban hành Hướng dẫn số 5334/HD-SNN ngày 23/11/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT; (3) tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 4293/KH-UBND ngày 28/12/2023 về triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

- *Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*²⁷: điều chỉnh rút ngắn thời gian hỗ trợ thiệt hại để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ 03 tháng còn 15 ngày làm việc. Kết quả trong năm 2023, có 02 huyện (Gò Dầu, Bến Cầu) và thị xã Trảng Bàng đã đảm bảo thực hiện đúng tiến độ quy định, giúp Nhân dân sớm nhận được kinh phí hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra; Chủ tịch UBND tỉnh đã chi hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2023: 1.295 triệu đồng/891,28 ha/976 hộ/03 huyện, thị xã/13 xã, thị trấn.

9. Công tác xúc tiến thương mại; hợp tác, mời gọi đầu tư

Phối hợp tổ chức diễn đàn kết nối doanh nghiệp đầu tư, phát triển hệ sinh thái nông nghiệp công nghệ cao qua đó UBND tỉnh ký bản ghi nhớ hợp tác với 03 đơn vị: (1) De Heus Việt Nam (Hà Lan) và Tập đoàn Hùng Nhơn, về việc khảo sát, nghiên cứu đầu tư một số dự án lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với tổng vốn đầu tư khoảng 2.500 tỷ đồng; (2) Công ty BaF Việt Nam thực hiện dự án Tổ hợp sản xuất và chế biến thịt với tổng vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng; (3) Công ty sữa Việt Nam Vinamilk thực hiện dự án Tổ hợp nhà máy sữa và trang trại bò sữa vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng.

Tuyên truyền, phổ biến và thông báo đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia 26 chương trình xúc tiến thương mại²⁸ với

²⁶ Nghị quyết số 56/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh

²⁷ Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch UBND

²⁸ gồm: (1) Festival Hoa lan Thành phố Hồ Chí Minh lần 3, năm 2023; (2) Hội chợ quốc tế xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá các sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại I-ta-li-a; (3) các chương trình, sự kiện của Sở Công Thương Hà Nội năm 2023; (4) quảng bá, kết nối sản phẩm OCOP gắn với hoạt động du lịch cấp vùng tại Ninh Bình; (5) Chương trình bình chọn Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2023 do Tổng Hội Nông nghiệp và PTNT tổ chức; (6) Trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại Tòa nhà 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; (7) Hội chợ Hàng Việt Đà Nẵng 2023 – Tôn vinh sản phẩm OCOP; (8) Hội chợ triển lãm Thương mại sản phẩm OCOP và Làng nghề - Bình Định năm 2023; (9) Ngày hội Văn hóa Âm thực Đông Nam Á – Việt Nam lần thứ I/2023; (10) Phiên chợ nông sản, đặc sản vùng miền 2023 tại Hà Nội; (11) Đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư thị trường Hoa Kỳ và khảo sát Hội chợ nội ngoại thất High Point Market 2023; (12) Đoàn xúc tiến, triển lãm Nông nghiệp Quốc tế 2024 tại Hoa Kỳ; (13) Đoàn giao dịch thương mại tại Slovenia và Bulgaria; (14) Lễ hội quảng bá “Nghệ thuật chế biến món ăn chay tỉnh Tây Ninh” lần thứ I năm 2023; (15) Hội chợ - Triển lãm Giống, Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, lần thứ IX năm 2023; (16) Hội chợ triển lãm Nông nghiệp Quốc tế lần thứ 23 – AgroViet 2023 tại Hà Nội; (17) Hội nghị Yên sào Tây Ninh; (18) sự kiện “Ngày Tây Ninh tại Hà Nội” hưởng ứng Kỷ niệm 69 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954-10/10/2023); (19) Tuần lễ sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng các vùng, miền tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023; (20) Festival Bảo tồn và Phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023; (21) Festival quốc tế ngành lúa gạo Việt Nam – Hậu Giang 2023; (22) Tinh hoa làng nghề và đặc sản vùng miền năm 2023 tại thành phố Hồ Chí Minh; (23) Festival Tôm Cà Mau và Diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP Đồng bằng sông Cửu Long năm 2023; (24) Sự kiện

trên 20 gian hàng sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tại các Hội chợ, triển lãm trong nước nhằm thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội trao đổi hàng hóa và cung ứng dịch vụ thương mại.

Phối hợp với sở, ngành có liên quan, tham mưu UBND tỉnh cho ý kiến đối với 11 dự án²⁹ xin chủ trương đầu tư. Hiện đã tham mưu UBND tỉnh về dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Công ty TNHH MTV Thanh niên xung phong Tây Ninh (lần 2).

10. Công tác thanh tra, kiểm tra; quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm

Thực hiện 17/17 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch đề ra (trong đó 01 cuộc thanh tra hành chính, 16 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành), đạt 100% so với KH; ngoài ra, còn thực hiện 05 cuộc kiểm tra đột xuất, cụ thể:

10.1. Thanh tra hành chính (01 cuộc)

Thanh tra trách nhiệm công tác tham mưu quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại Chi cục Thủy lợi; kết quả Chi cục: (1) đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong công tác tham mưu quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; (2) còn thiếu sót trong việc lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính, hồ sơ thanh tra, kiểm tra; chậm đôn đốc đối tượng thanh tra báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra; chậm theo dõi, đôn đốc tổ chức được cấp phép thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện giấy phép. Đã đề nghị Chi cục Thủy lợi chấn chỉnh, khắc phục các thiếu sót nêu trên.

10.2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (21 cuộc, trong đó 16 cuộc theo Kế hoạch, 05 cuộc đột xuất)

- *Lĩnh vực phân bón và bảo vệ thực vật*: thực hiện 07 cuộc (02 cuộc đột xuất) tại 129 cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh (03 cơ sở sản xuất phân bón); lấy 291 mẫu (phân bón 129 mẫu, thuốc bảo vệ thực vật 155 mẫu, hạt giống 07 mẫu) kiểm nghiệm. Kết quả: 19 cơ sở vi phạm điều kiện kinh doanh, nhãn hàng hóa; 250 mẫu có kết quả, trong đó: 46 mẫu vi phạm chất lượng (29 mẫu không đạt chất lượng, 17 mẫu giả), còn 41 mẫu chưa có kết quả; xử phạt và tham mưu cấp thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 55 trường hợp với tổng số tiền 749,62725 triệu đồng.

- *Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y*: thực hiện 04 cuộc (02 cuộc đột xuất) tại 44 cơ sở sản xuất, kinh doanh; lấy 93 mẫu (thức ăn chăn nuôi, thủy sản 52 mẫu;

giới thiệu sản phẩm OCOP gắn với văn hóa các tỉnh, thành phố miền Trung và Tây Nguyên; (25) Hội chợ Đặc sản vùng miền Việt Nam tại Hà Nội; (26) Hội chợ thương mại quốc tế Việt-Trung tại Lào Cai năm 2023.

²⁹(1) dự án Trồng chuối già Nam Mỹ xuất khẩu của Công ty TNHH TM DV Nông nghiệp Phú Lâm ; (2) Ứng dụng công nghệ cao xây dựng vùng nguyên liệu chuối thương phẩm cung cấp cho nội địa, xuất khẩu và chế biến các sản phẩm khác từ thân cây chuối của Viện Khoa học Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Asean; (3) Nông nghiệp Công nghệ cao và trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái của Công ty TNHH Đầu tư Lục Diệp; (4) Dự án đầu tư nông nghiệp công nghệ cao kết hợp kinh tế xanh của HTXNN cây ăn trái nông nghiệp công nghệ cao Tân Đông; (5) Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu và phát triển vùng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần đầu tư nông nghiệp Anh Khoa.; (6) Dự án Nhà sản xuất, rượu Đông Trùng Hạ Thảo và các sản phẩm thực phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe; (7) Dự án Nhà máy chế biến gỗ Green Power; (8) Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Công ty TNHH MTV Thanh niên xung phong Tây Ninh; (9) dự án Trang trại sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình tuần hoàn, khép kín tại xã Tân Hội và Tân Hà, huyện Tân Châu của Liên danh Công ty TNHH Bất động sản Đăng Khoa TP và Công ty Cổ phần Chăn nuôi công nghệ cao An Bình; (10) Dự án Trồng và chế biến nông lâm sản công nghệ cao tại ấp 3 và ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu của Công ty TNHH Nông nghiệp Kim Thanh Ngọc; (11) Dự án Trang trại sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình tuần hoàn, khép kín

thuốc thú y 41 mẫu) kiểm nghiệm. Kết quả: 01 cơ sở vi phạm điều kiện kinh doanh; 22 mẫu vi phạm chất lượng (16 mẫu không đạt chất lượng, 06 mẫu giả). Xử phạt vi phạm hành chính 12 trường hợp với tổng số tiền 128,731 triệu đồng.

- *Lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm*: thực hiện 07 cuộc (01 cuộc đột xuất) tại 87 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, lấy 88 mẫu kiểm nghiệm chất lượng. Kết quả: 11 cơ sở vi phạm về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm; 09 mẫu vi phạm chất lượng đạt chất lượng sản phẩm); xử phạt và tham mưu cấp thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 19 trường hợp với tổng số tiền 249,06245 triệu đồng.

- *Lĩnh vực chăn nuôi*: thực hiện 01 cuộc tại 16 cơ sở chăn nuôi; lấy 12 mẫu thức ăn chăn nuôi gửi kiểm tra chất lượng, 08 mẫu nước tiểu bò test nhanh chỉ tiêu salbutamol. Kết quả: 12 mẫu thức ăn chăn nuôi không phát hiện có kháng sinh cấm, chất cấm; 08 mẫu nước tiểu bò có kết quả âm tính với chỉ tiêu salbutamol.

- *Lĩnh vực thủy lợi*: thực hiện 01 cuộc tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Tây Ninh. Kết quả: yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Tây Ninh rà soát, điều chỉnh đối với các hợp đồng đã ký trong vụ Hè Thu năm 2023 của 17/96 hộ cho phù hợp với kết quả kiểm tra, xác minh thực tế (nguyên nhân rà soát, điều chỉnh do sai lệch thực tế về diện tích tưới, loại cây trồng, loại hình nuôi trồng thủy sản, biện pháp tưới trong các hợp đồng đã ký kết). Đã đề nghị trong thời gian tới, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh thực hiện hiệu quả, đảm bảo tính chính xác trong công tác ký kết hợp đồng cấp nước tưới, tiêu nước. Ngày 11/10/2023, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh đã khắc phục, điều chỉnh các nội dung kiến nghị kiểm tra tại Công văn số 283/TLTN-QLN.

- *Lĩnh vực lâm nghiệp*: thực hiện 01 cuộc tại Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát. Kết quả: Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát đã kịp thời triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng được quan tâm thực hiện, diện tích rừng được bảo vệ tốt, góp phần tăng độ che phủ rừng của tỉnh, nâng cao đời sống của người dân và phát triển kinh tế xã hội địa phương. Tuy nhiên, Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát còn một số thiếu sót³⁰ cần chấn chỉnh, khắc phục trong thời gian 90 ngày, sau đó tiến hành phúc tra xử lý theo quy định.

11. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng

Thực hiện việc tiếp công dân; tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định. Đến nay đã tiếp 07 lượt công dân/04 người; xử lý và giải quyết đúng quy định 09/09 trường hợp (01 đơn khiếu nại, 08 đơn kiến nghị, phản ánh).

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2023 về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời phối hợp, hướng dẫn chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật. Năm 2023, không phát sinh trường hợp phải xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

³⁰việc trồng dặm lại rừng sau tía thưa, sau thực hiện chuyển đổi mô hình chưa đảm bảo; thực hiện giao khoán chưa đảm bảo; nghiệm thu hoàn thành công trình trồng rừng chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT; công tác kiểm tra, giám sát về chất lượng nguồn gốc giống cây trồng đưa vào trồng rừng của Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát chưa chặt chẽ; một số diện tích rừng trồng có cây giống đưa vào trồng mới, trồng dặm chưa đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn theo quy định

Tiếp nhận 62 ý kiến kiến nghị cử tri (YKKNCT) liên quan đến các lĩnh vực do Ngành quản lý (chăn nuôi, trồng trọt, thủy lợi, nước sạch, trồng rừng, làng nghề). Kết quả: đã được giải quyết dứt điểm hoặc trả lời làm rõ 20 YKKNCT; đã trả lời và đang tiếp tục theo dõi kết quả 42 YKKNCT.

12. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, công tác cán bộ và sắp xếp, tổ chức bộ máy

12.1. Cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính luôn được Lãnh đạo Sở tập trung chỉ đạo thực hiện, triển khai kịp thời đến các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Ngành. Tổng số TTHC hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành là 98 TTHC, trong đó: cấp tỉnh 80 thủ tục, cấp huyện 12 thủ tục, cấp xã 06 thủ tục; từ ngày 01/01/2023 đến ngày 25/12/2023, Sở đã tiếp nhận 6.675 hồ sơ TTHC, trong đó, nhận trực tuyến: 5.936 hồ sơ (chiếm 88,92%), nhận qua bưu chính công ích: 200 hồ sơ (chiếm 2,9%), nhận trực tiếp: 539 hồ sơ; đã giải quyết: 6.642 hồ sơ đúng hạn, đang giải quyết: 33 hồ sơ. Thường xuyên rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành khi có sự thay đổi văn bản pháp luật liên quan³¹. Ngoài ra, Sở đã trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (Quyết định số 2064/QĐ-UBND ngày 12/10/2023); thực hiện ký kết với Văn phòng UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở (Quy chế số 9103/QC-VPUBND-SNN ngày 12/10/2023); qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ, tạo sự thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đang rà soát, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 (dự kiến hoàn thành trước ngày 20/11/2023); triển khai các Kế hoạch liên quan đến TTHC; báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế về các Chỉ số PAPI, PAR INDEX và SIPAS theo Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án “thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng các Chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025”; đăng ký nội dung rà soát, quy định TTHC năm 2023.

12.2. Chuyển đổi số

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động của ngành năm 2023; cung cấp thông tin khảo sát kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số. Rà soát cơ sở dữ liệu ngành, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Ngành quản lý, dữ liệu mở có thể chia sẻ cung cấp dữ liệu chia sẻ trên IOC của tỉnh, khảo sát dữ liệu phục vụ xây dựng kho dữ liệu của tỉnh, của ngành. Trình UBND tỉnh: ban hành hướng dẫn tạm thời thực hiện xã nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử, Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2023-2025.

Tiếp tục triển khai thực hiện các phần mềm dùng chung của tỉnh (hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội, hệ thống Quản lý cán bộ, CCVC, phần mềm Văn phòng điện tử eGov, một cửa điện tử, dịch vụ công,...). Tất cả các văn bản đến, đi được thực hiện, xử

³¹ đã công bố: Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 31/01/2023, Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 08/3/2023, Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 04/7/2023, Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 22/8/2023

lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật); đến nay 100% các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện ký chữ ký số đối với văn bản đi và số hóa 100% văn bản đến.

Tiếp tục triển khai Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin cập nhật thông tin hoạt động qua các phần mềm, ứng dụng, hệ thống của Bộ, ngành TW và của UBND tỉnh triển khai; đồng thời, tổ chức Hội thảo Ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp; tham gia các hội nghị, chuyên đề do Chính phủ, các Bộ, ngành tổ chức, qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ CCVC về chuyển đổi số.

Rà soát cơ sở dữ liệu ngành, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Ngành quản lý, dữ liệu mở có thể chia sẻ trên IOC của tỉnh, khảo sát dữ liệu phục vụ xây dựng kho dữ liệu của tỉnh, của Ngành; cung cấp thông tin khảo sát kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số.

Nền tảng cơ sở dữ liệu của Ngành: ngoài việc vận hành các phần mềm, ứng dụng, hệ thống của Trung ương và triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh, Sở đã triển khai 02 hệ thống (ứng dụng phần mềm Citywork để quản lý khách hàng sử dụng nước sạch khu vực nông thôn và xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh); đồng thời, đang triển khai thực hiện Đề tài khoa học Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quản lý chăn nuôi và dịch tễ thú y trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt có nguy cơ xảy ra trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Bên cạnh đó, Sở đang xin chủ trương dự kiến triển khai phần mềm Đánh giá sản phẩm OCOP, xây dựng “Hệ thống thông tin ngành Nông nghiệp” và hệ thống quản lý cấp phép tập trung. Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ chuyển đổi số của Ngành xếp hạng thứ 4 đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2023.

12.3. Công tác cán bộ, tổ chức sắp xếp bộ máy

Đã đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học: 03 CCVC; đề nghị thu hút nhân tài: 01 trường hợp; đăng ký nhu cầu thu hút nhân tài 04 chỉ tiêu; cử gần 140 lượt CCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với vị trí việc làm³²; đăng ký nhu cầu tuyển dụng CC: 17 chỉ tiêu (Sở Nội vụ đang tham mưu UBND tỉnh thực hiện quy trình); thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức, qua đó đã tuyển dụng 17 VC, tuy nhiên có 01 VC đã xin thôi việc theo nguyện vọng; thực hiện quy trình tiếp nhận 05 viên chức vào làm công chức không qua thi tuyển, tiếp nhận 02 viên chức vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; tổ chức thi thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III kết quả 15/15 thí sinh dự thi đạt. Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031; xây dựng Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2023; xét nâng bậc

³² Sau đại học: 03 CCVC; Cao cấp LLCT: 01 VC; Trung cấp LLCT: 03 CCVC; QLNN ngạch chuyên viên cao cấp: 01 CC; QLNN ngạch chuyên viên chính và tương đương: 05 CC; QLNN ngạch chuyên viên và tương đương: 05 CCVC; Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành: 29 VC; Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 05 CCVC; Bồi dưỡng nghiệp vụ khác: 115 CCVC.

lương trước thời hạn đối với CCVCNLD thuộc Sở, thẩm định chính trị nội bộ, điều động, bổ nhiệm cán bộ, ...³³

Quyết định giao, tạm giao chỉ tiêu biên chế CCVC năm 2023; tiếp tục rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: (1) Tham mưu trình UBND tỉnh: Quyết định tổ chức lại Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng³⁴; Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng³⁵; Quyết định kiện toàn Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh; Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tỉnh; Quyết định kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tây Ninh; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện và Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Tây Ninh về lĩnh vực nông nghiệp và PTNT; kiện toàn Hội đồng, Ban điều hành Quỹ phòng chống thiên tai; Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tây Ninh³⁶; (2) Rà soát, đề nghị phê duyệt lại khung năng lực, mô tả công việc vị trí việc làm cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và phương án sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2026.

13. Tình hình thực hiện vốn chi thường xuyên

* **Tổng thu:** dự toán tổng thu (phí, lệ phí) năm 2023 là 5.860 triệu đồng, tăng 11,2% so với thực hiện năm 2022. Kết quả thực hiện năm 2023 là 6.030 triệu đồng, vượt 2,9% so với dự toán và tăng 11,5% so với năm 2022.

* **Tổng chi thường xuyên:** tổng dự toán được giao năm 2023 là 108.437 triệu đồng, tăng 23,3% so với thực hiện năm 2022. Kết quả thực hiện cả năm 2023 là 102.577 triệu đồng, bằng 94,6% so với dự toán giao và tăng 16,4% so với năm 2022, cụ thể:

- Chi quản lý hành chính: dự toán giao đầu năm 34.724 triệu đồng, tăng 11,6% so với thực hiện năm 2022. Kết quả thực hiện năm 2023 là 34.651 triệu đồng, đạt 99,8% so với dự toán giao.

- Chi sự nghiệp kinh tế: dự toán giao đầu năm 55.996 triệu đồng, tăng 12,5% so với thực hiện năm 2022. Kết quả thực hiện năm 2023 đạt 52.352 triệu đồng bằng 93,5% dự toán (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp là 32.083 triệu đồng; sự nghiệp lâm nghiệp là

³³ Kết quả: cho ý kiến thỏa thuận hiệp y bổ nhiệm: 02; tham mưu gửi văn bản thỏa thuận Huyện ủy địa phương về công tác cán bộ: 08 trường hợp; đề nghị thẩm định chính trị nội bộ phục vụ công tác cán bộ: 33 trường hợp; cho chủ trương đơn vị thực hiện điều động, bổ nhiệm: 05 VC; cho chủ trương đơn vị thực hiện bổ nhiệm: 07 CCVC; cho chủ trương đơn vị thực hiện bổ nhiệm lại: 02 VC; bổ nhiệm: 07 CCVC; bổ nhiệm lại: 01 VC; bổ nhiệm phụ trách kế toán: 01 CC; giao phụ trách kế toán: 02 CCVC; thôi phụ trách kế toán: 01 CC; điều động, bổ nhiệm: 02 CC; giao phụ trách: 02 CC; biệt phái: 01 VC, thôi biệt phái: 01 VC; phân công: 05 CC; tiếp nhận CCVC ngoài ngành chuyển đến công tác: 04 CCVC; điều động: 02 CC; bổ nhiệm ngạch: 04 CC; nâng lương thường xuyên: 09 CCVCNLD; đề nghị Sở Nội vụ thỏa thuận miễn tập sự và xếp lương: 15 VC; nâng bậc lương trước thời hạn: 26 CCVC; phụ cấp trách nhiệm nghề: 02 CC; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung: 01 CC; nâng phụ cấp thâm niên nghề: 01 CC; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp: 18 VC; công nhận hoàn thành tập sự: 05 CCVC; thôi việc: 20 CCVC; nghỉ hưu trước tuổi: 04 CCVC; nghỉ hưu: 02 CCVC.

³⁴ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 28/4/2023.

³⁵ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 14/6/2023.

³⁶ Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 17/12/2023.

13.879 triệu đồng; sự nghiệp thủy lợi 5.502 triệu đồng, sự nghiệp kinh tế khác 888 triệu đồng)

- Chi đảm bảo xã hội và các sự nghiệp khác³⁷: dự toán 2.548 triệu đồng, tăng 7,4 lần so với thực hiện năm 2022. Kết quả thực hiện năm 2023 là 1.047 triệu đồng, đạt 41,1% so với dự toán giao.

- Chi Chương trình MTQG (vốn ngành quản lý): dự toán 15.169 triệu đồng, tăng 16,7% so với thực hiện năm 2022. Kết quả thực hiện năm 2023 là 14.527 triệu đồng, bằng 95,8% so với dự toán giao.

(Chi tiết xem phụ lục VI kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

Các nội dung trong nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và Chương trình công tác UBND tỉnh năm 2023 (theo Quyết định số 01/QĐ-UBND và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 của UBND tỉnh) đã được ngành tập trung triển khai thực hiện và cụ thể bằng Quyết định số 31/QĐ-SNN ngày 31/01/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT để đảm bảo thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành góp phần hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2023.

Tình hình sản xuất trồng trọt tương đối ổn định, xuống giống và thu hoạch đạt tiến độ KH trong năm, công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng được thực hiện kịp thời; các mô hình khuyến nông triển khai thực hiện tốt, đảm bảo đúng theo kế hoạch đề ra.

Các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản được thực hiện thường xuyên và kịp thời, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên địa bàn; kịp thời thẩm định, cho ý kiến các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi đúng quy định tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư mạnh dạn đầu tư đóng góp vào tăng trưởng chung của ngành.

Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được các đơn vị chủ rừng triển khai thực hiện khá tốt, rừng phát triển ổn định. Việc thực hiện Quyết định số 1573/QĐ-UBND và Quyết định số 223/QĐ-UBND đã được tập trung, quyết liệt thực hiện đến nay đã giải quyết trên 93% so với KH.

Công tác thủy lợi được tập trung thực hiện đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng cách điều tiết nước tưới hợp lý, duy trì mực nước trong kênh trong thời gian cắt nước chuyển vụ đối với các khu vực sản xuất cây ăn quả, rau màu, cây lâu năm.

Các công trình cấp nước được thường xuyên kiểm tra, kịp thời nâng cấp, sửa chữa, đảm bảo việc vận hành cung cấp nước liên tục, ổn định với chất lượng nước đạt quy chuẩn QCVN 02:2009/BYT đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và đảm bảo đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm.

Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được quan tâm thực hiện; triển khai đúng kế hoạch, kịp thời; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm, vật tư nông nghiệp, chất lượng nông lâm thủy sản. Qua công tác thanh tra chuyên ngành đa phần các cơ sở sản xuất, kinh doanh chấp hành tốt điều kiện kinh doanh, kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; các sản phẩm của công ty vi

³⁷ Gồm: Sự nghiệp Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Sự nghiệp Khoa học và công nghệ; sự nghiệp Bảo vệ môi trường; Chi bảo đảm xã hội.

phạm năm trước giảm lưu thông thị trường; thực hiện công khai các cơ sở vi phạm trên Trang thông tin điện tử của Sở qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý.

Kết quả chỉ số CCHC, chuyển đổi số của Sở luôn xếp loại tốt trở lên, chỉ số DDCI khá tốt... từng bước cải thiện điểm số, thứ hạng. Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến, qua bưu chính công ích ngày càng tăng, góp phần tạo sự thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Công tác tổ chức bộ máy của Sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ngày càng được chú trọng, góp phần đáng kể nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của Ngành.

2. Tôn tại, hạn chế và nguyên nhân

Vẫn còn 03 nội dung trong Chương trình công tác năm 2023 phải xin điều chuyển sang năm 2024 và xin dừng trình do vướng mắc về các quy định mới cũng như thẩm quyền ban hành và phạm vi thực hiện.

Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do yếu tố bất lợi của thời tiết ảnh hưởng tới tiến độ mùa vụ, giá vật tư nông nghiệp đầu vào (phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, công lao động) tăng mạnh, trong khi thị trường tiêu thụ, đầu ra của sản phẩm nông sản không ổn định, giá cả thay đổi liên tục, nhất là nhóm rau các loại có thời điểm giảm sâu, giá nhiều sản phẩm nông sản tăng chậm đã ảnh hưởng đến lợi nhuận, của người sản xuất.

Việc thu hút, mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khó khăn, nông dân và doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ, trang thiết bị, ứng dụng CNC do vùng nguyên liệu còn đan xen, khó thực hiện cơ giới hóa; đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thời tiết khí hậu, dịch bệnh, thị trường, đòi hỏi nguồn vốn lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Số vụ vi phạm về khai thác và mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra (tăng hơn so với CK) chưa ngăn chặn triệt để. Việc tủa thưa cây phụ trợ trong rừng đặc dụng là rừng trồng chưa có cơ sở để triển khai thực hiện do Luật lâm nghiệp chưa quy định, giá trị đóng góp của ngành lâm nghiệp, thủy sản vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong giá trị của toàn ngành.

Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 vừa tăng số lượng chỉ tiêu, tiêu chí và vừa tăng mức độ yêu cầu đạt chuẩn; một số chỉ tiêu, tiêu chí Trung ương quy định chưa sát với thực tế địa phương.

Kinh tế hợp tác, HTXNN, THT vẫn còn hạn chế trong khâu quản lý, chưa xây dựng được phương án phát triển sản xuất – kinh doanh, để thu hút được thành viên nên chưa thể hiện vai trò dẫn dắt trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp. Mô hình HTXNNNN kiểu mới quy mô lớn chậm được hình thành và phát triển. Việc triển khai thực hiện một số chính sách vẫn còn chậm do khó khăn trong các quy trình, thủ tục cũng như các điều kiện, quy định thụ hưởng chính sách³⁸.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp

³⁸ Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp do trùng hạn mục hỗ trợ của các chính sách khác cũng như quy trình, thủ tục tương đối phức tạp nên doanh nghiệp ngại tiếp cận; Chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước còn khó khăn trong việc thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở đồng thời vốn đối ứng lớn (30%) nên các tổ chức thủy lợi cơ sở chưa có kinh phí thực hiện

vẫn còn vi phạm chất lượng sản phẩm và về điều kiện kinh doanh (kinh doanh các sản phẩm hết hạn, sản phẩm ngoài doanh mục cho phép sử dụng, khu vực chứa đựng, kho bảo quản không có đầy đủ giá, kệ...).

Việc tuyển dụng CCVC một số chuyên ngành khó đảm bảo chỉ tiêu, nhu cầu tuyển dụng do đặc thù ngành nghề (trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy lợi, lâm nghiệp...) và chế độ chưa đủ sức thu hút sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành cần tuyển.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2024

I. BỐI CẢNH

1. Tình hình trong nước

Năm 2024 là năm bút phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong nước đã hoàn toàn phục hồi sau đại dịch; thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế đang tạo ra những chuyển biến khởi sắc trong nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực nông nghiệp; quan hệ đối ngoại được củng cố và mở rộng; thị trường xuất khẩu phát triển, liên kết các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW. Tuy nhiên, tình hình thế giới và trong nước vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu kết thúc; giá cả nguyên vật liệu sản xuất vẫn ở mức cao; nguy cơ thiên tai, dịch bệnh vẫn còn hiện hữu.

2. Tình hình trong tỉnh

Phát huy được các thành quả trong việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, chuyên dịch của tỉnh vẫn theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Trong bối cảnh nền kinh tế dần được phục hồi sau đại dịch thì dự báo sản xuất nông nghiệp vẫn duy trì ổn định và là một trong các địa phương tiếp tục thu hút đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp, nông thôn, liên kết ngành, lĩnh vực và các địa phương trong khu vực ngày càng được quan tâm là điều kiện cho việc đẩy mạnh giao thương, liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh cũng đối mặt với nhiều thách thức: chi phí sản xuất, giá vật tư nông nghiệp tăng cao, giá bán các mặt hàng nông sản biến động bất thường, khó dự báo, dự tính đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của người sản xuất; thiên tai, biến đổi khí hậu và nguy cơ phát sinh dịch bệnh vẫn còn hiện hữu đối với cây trồng, vật nuôi gây ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp; cạnh tranh về thị trường tiêu thụ sản phẩm và thu hút đầu tư, liên kết sản xuất, yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm đòi hỏi người sản xuất phải thay đổi phương thức canh tác để hội nhập theo nền kinh tế thị trường.

3. Động lực tăng trưởng

Công tác chỉ đạo điều hành các lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục được tỉnh sâu sát chỉ đạo và tập trung thực hiện thông qua hoạt động của Tô công tác thực hiện những giải pháp đột phá lĩnh vực nông nghiệp. Các chủ trương chính sách nông nghiệp lớn sẽ được đẩy mạnh triển khai thực hiện trong thời gian tới: Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông

thôn; Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đề án phát triển vùng nuôi trồng chuyên canh thủy sản gắn với hệ thống kênh thuộc công trình thủy lợi Dầu Tiếng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi;...

Cơ cấu lại nông nghiệp tiếp tục kế thừa những thành quả đã đạt được trong thời gian qua, nhìn chung việc phát triển cây trồng, vật nuôi theo định hướng: (1) giảm dần các diện tích trồng trọt kém hiệu quả, khó ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất (cao su, mía, lúa) các cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn, có khả năng cơ giới hóa, áp dụng khoa học vào sản xuất để tăng năng suất, giá trị; (2) chuyển đổi chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại công nghiệp, bán công nghiệp thông qua các dự án đầu tư chăn nuôi nhất là chăn nuôi heo và gia cầm sẽ tiếp tục triển khai thực hiện và đi vào hoạt động giúp tăng tổng đàn và sản lượng thịt xuất chuồng mang lại giá trị cho ngành chăn nuôi nói riêng và giúp tăng trưởng toàn ngành đạt mục tiêu nói chung.

Thu hút đầu tư nhất là đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên các khu đất công để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo định hướng cũng góp phần gia tăng giá trị của ngành. Các hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác đầu tư, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết vùng cũng sẽ là động lực để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trong năm 2024.

Các chính sách hỗ trợ, phát triển nông nghiệp như chính sách lãi vay, chính sách liên kết sản xuất, chính sách hỗ trợ GAP, hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước, chính sách chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình được tiếp tục quan tâm, đẩy nhanh tiến độ thực hiện là đòn bẩy và động lực để giúp tăng trưởng ngành.

Với những động lực tăng trưởng như trên dự báo GRDP của ngành trong năm 2024 sẽ có tốc độ tăng trưởng đạt từ 3% trở lên, đóng góp khoảng 18 – 20% trong cơ cấu GRDP của tỉnh

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển nền nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

III. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

* Các chỉ tiêu chủ yếu của ngành:

	Chỉ tiêu	TH năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Giá trị sản phẩm bình quân thu được trên 01 ha đất trồng trọt (triệu đồng/ha/năm)	109	112
2	Chương trình MTQG xây dựng NTM		
	- Số huyện đạt NTM, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ NTM (tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt)	03 (33,3%)	04 (44,4%)

	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tỷ lệ xã đạt)	65 xã (91,5%)	68 xã (95,7%)
	- Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao (tỷ lệ xã đạt)	25 xã (35,2%)	25 xã, đạt (35,2%)
	- Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (tỷ lệ xã đạt)	03 xã (4,22%)	04 xã (5,63%)
3	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	16,3	16,3
4	Tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn quốc gia (%)	68,0	70,0

(Chi tiết Phụ lục I,II kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao

- *Nông nghiệp*: Tiếp tục cơ cấu lại ngành, đổi mới tư duy kinh tế nông nghiệp: tập trung triển khai từ 1-2 dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo các đề án Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Tân Châu nhằm giúp từng bước phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ). Cụ thể:

+ *Trồng trọt*: Sản xuất theo yêu cầu của thị trường, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm trồng trọt đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Thực hiện sắp xếp, cơ cấu cây trồng, vùng sản xuất phù hợp, đảm bảo lợi thế cạnh tranh về điều kiện thổ nhưỡng cho từng loại cây trồng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản. Thực hiện tốt kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp gắn với tăng trưởng xanh: áp dụng các biện pháp xử lý chất thải đảm bảo bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý, giám sát và tiếp tục đăng ký mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói sản phẩm đối với những vùng trồng cây ăn quả có diện tích sản xuất lớn, nhu cầu xuất khẩu; tiếp tục hỗ trợ thực hiện chứng nhận VietGAP trên các sản phẩm trồng trọt; phát triển các hình thức sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ). Theo dõi tình hình xuống giống và thu hoạch các vụ trong năm đảm bảo năng suất và chất lượng nông sản, tăng cường công tác phòng chống sinh vật gây hại cây trồng góp phần bảo vệ an toàn sản xuất, giảm thiệt hại cho người nông dân. Đẩy mạnh việc sử dụng phân hữu cơ, hữu cơ sinh học, áp dụng phòng trừ dịch hại cây trồng bằng phương pháp sinh học. Tuyên truyền vận động, tổ chức thu gom bao bì thuốc BVTV/vùng, khu vực sản xuất tập trung, chứng nhận VietGAP.

+ *Chăn nuôi*: tiếp tục định hướng phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại quy mô lớn, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao, sử dụng các biện pháp an toàn sinh học trong trong chăn nuôi và xử lý chất thải nhằm tăng hiệu quả sản xuất, đảm bảo môi trường, phát triển chăn nuôi ổn định, bền vững. Hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút đầu tư cơ sở giết mổ và nhà máy chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi sau giết mổ. Hướng dẫn, hỗ trợ các hộ chăn nuôi xây dựng và được cấp chứng nhận quy trình chăn nuôi tốt VietGAHP, ATDB. Thực hiện Kế hoạch phát triển chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 – 2025; Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn

2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024.

- *Thủy sản*: triển khai thực hiện có hiệu quả phát triển vùng nuôi trồng chuyên canh thủy sản gắn với hệ thống kênh thuộc công trình thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện giám sát dư lượng các chất độc hại và quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2024.

- *Lâm nghiệp*: tiếp tục triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững của các Ban quản lý rừng giai đoạn 2021-2030 nâng cao giá trị của rừng và góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có. Dự kiến kế hoạch trồng mới 717 ha rừng; chăm sóc 933 ha rừng phòng hộ, đặc dụng đã trồng; khoanh nuôi khoảng 250 ha; quản lý, bảo vệ 66.750 ha rừng hiện có (trong đó có 30.053 ha rừng đặc dụng). Tổ chức thực hiện tốt Đề án trồng một tỷ cây xanh, trồng cây phân tán với số lượng phân bổ 366.000 cây giống, đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn theo quy định; đa dạng, phong phú về chủng loại...; Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đảm bảo sau giai đoạn phục hồi khả năng thành rừng cao.

Thực hiện tốt quá trình trồng và chăm sóc, đảm bảo cây sau khi trồng đạt tỷ lệ sống cao, sinh trưởng phát triển tốt, nhằm mục đích vừa cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ, vừa bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan. Khuyến khích trồng mới và trồng lại rừng sau khai thác bằng rừng cây gỗ lớn, cây lâm nghiệp đa mục đích, tạo nguồn cung cấp nguyên liệu chế biến gỗ; cây có hiệu quả kinh tế cao, cây dược liệu, cây ăn trái, ...

Thực hiện tốt công tác PCCCR, nhất là giai đoạn mùa khô năm 2023-2024; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, kéo giảm cả về số vụ và mức độ thiệt hại rừng. Đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và các loại hình liên doanh, liên kết kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon; tăng nguồn thu từ các dịch vụ lâm nghiệp để tái đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho phát triển lâm nghiệp.

- *Thủy lợi*: thực hiện đầu tư nâng cấp sửa chữa các 59 công trình, thủy lợi (vốn đầu tư công: 10 công trình; vốn sự nghiệp và vốn dịch vụ công ích thủy lợi của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh khoảng 49 công trình), trong đó có các dự án trọng điểm của ngành: Tưới tiêu phía Tây sông Vàm cò đông giai đoạn 2; Sửa chữa hồ Tha La, huyện Tân Châu; Trạm bơm Tân Long, huyện Châu Thành; đảm bảo cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2024 khoảng 150.270 ha.

Từng bước đầu tư hoàn chỉnh, kết nối hệ thống thủy lợi kênh tiêu trực kết hợp giao thông nội đồng, khai thác hiệu quả hệ thống thủy lợi hiện có, gắn với đề án chuyển đổi cây trồng có giá trị kinh tế. Chỉ đạo đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; kiểm tra công tác duy tu sửa chữa thường xuyên từ nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi, nguồn kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 và công tác đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2024.

- *Phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất*: tiếp tục khuyến khích các nhà máy ứng dụng và chuyển đổi thiết bị, công nghệ chế biến hướng đến đa dạng các loại sản phẩm chế biến rau củ quả, tinh bột, mía đường, cao su đáp ứng nhu cầu trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; tận dụng triệt để các phụ phế phẩm nhằm giảm giá thành sản xuất; Hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút đầu tư cơ sở chế biến sâu các loại nông sản. Xây

dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm tra, giám sát tinh bột mì của các Doanh nghiệp sản xuất chế biến trên địa bàn tỉnh năm 2023; theo dõi tình hình giá cả hàng tháng của một số mặt hàng nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2023; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình xuất khẩu nông sản sang thị trường Trung Quốc; thông tin đến địa phương, doanh nghiệp các cảnh báo, quy định mới của thị trường xuất khẩu.

2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Duy trì 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, 65/71 xã đã đạt chuẩn NTM, 25 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao và 03 xã đạt chuẩn kiểu mẫu; phấn đấu tăng thêm 03 xã đạt chuẩn NTM, 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, huyện Bến Cầu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Lũy kế đến cuối năm 2024 có 68 xã đạt chuẩn NTM (chiếm 95,7%), 25 xã NTM nâng cao (chiếm 35,21%), 04 xã NTM kiểu mẫu (chiếm 5,63%), 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Đẩy mạnh chương trình phát triển sản phẩm OCOP, phấn đấu có thêm từ 20 – 25 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, trong đó có ít nhất 05 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng 4 sao. Hướng dẫn các địa phương lập hồ sơ đề nghị xét công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo quy định. Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch bố trí dân cư trung hạn, hàng năm và giai đoạn 2021 – 2025.

3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Tiếp tục theo dõi, xúc tiến dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh (*nguồn vốn vay ADB*); Nước sạch và Vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh, vốn vay Ngân hàng thế giới (*nguồn vốn WB*) và thực hiện các bước tiếp theo sau khi dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư XDCCB trọng điểm, quan trọng của ngành: Dự án tưới tiêu phía Tây sông Vàm Cỏ Đông giai đoạn 2; dự án sửa chữa hồ Tha La, huyện Tân Châu; dự án trạm bơm Tân Long, huyện Châu Thành.

Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư tăng cường công tác quản lý vốn, tiến độ, tình hình giải ngân kế hoạch vốn được giao và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (công trình cấp nước), lâm nghiệp năm 2024.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy PTDS, PCTT và TKCN các cấp³⁹, tổ chức kiểm tra công tác PCTT trước, trong mùa mưa bão, tiếp tục triển khai đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2024; đề xuất hỗ trợ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp, trợ giúp xã hội đột xuất cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai gây ra; thực hiện dự án Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để tích hợp dự báo mực nước tại hồ chứa, dự báo lũ, ngập lụt, chủ động phòng chống thiên tai gắn với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Phấn đấu thu Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đạt kế hoạch giao; quản lý, sử dụng Quỹ PCTT có hiệu quả.

³⁹ đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, xây dựng bản đồ số phục vụ công tác ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn, quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước sạch. Kế hoạch số 4064/KH-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2024-2028 nhằm nâng cao chất lượng, an toàn đối với các công trình cấp nước hiện có trên địa bàn tỉnh; đảm bảo trên 98% các công trình cấp nước đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt; nâng cao hiệu quả quản lý kỹ thuật trạm cấp nước về chất lượng, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 20%; tăng tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 99,8%, trong đó tỷ lệ đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt đạt 70% toàn tỉnh.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và Chiến lược phát triển Ngành

Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn được cấp thẩm quyền phê duyệt⁴⁰, đồng thời tổ chức nghiệm thu và giải ngân hỗ trợ đối với các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2023 theo quy định.

Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển nông nghiệp của địa phương tại từng thời điểm.

5. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ và khuyến nông

Tạo điều kiện phát triển mạnh các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân; phát huy mạnh vai trò của các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả của ngành. Hướng dẫn nông dân các quy trình kỹ thuật canh tác sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) gắn với truy xuất nguồn gốc và kiểm soát sâu bệnh trên cây trồng, nhất là đối với các mô hình mới chuyển đổi

Xây dựng và thực hiện các mô hình dự án trên cây trồng, vật nuôi theo chuỗi giá trị, chuyển giao các giống mới có năng suất và chất lượng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật (tập trung cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ vi sinh, sinh học,...) theo mục tiêu của Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh.

Nâng hiệu quả triển khai chính sách, chương trình khuyến nông. Tổ chức và tham gia hội thảo, tập huấn chuyên đề, diễn đàn trao đổi, học tập kinh nghiệm về khuyến nông nhằm trang bị kiến thức, ứng dụng khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng sản xuất, nâng cao nhận thức an toàn thực phẩm cho người sản xuất. Thực hiện các đề tài, đề án, dự án khoa học công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên thực hiện trên các cây trồng, vật nuôi chủ lực được khuyến khích phát triển, nhất là về giống cây trồng, vật

⁴⁰ Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; Chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2019-2025; Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025; Chính sách hỗ trợ giá nước sạch nông thôn,...

nuôi có năng suất và chất lượng cao, phù hợp điều kiện tự nhiên và khí hậu ở địa phương, kháng sâu, bệnh hại.

Phối hợp tốt với các đơn vị (Đại học Nông lâm TP.HCM, Đại học Quốc gia TP.HCM trong việc đào tạo, bồi dưỡng, khoa học và công nghệ về lĩnh vực nông nghiệp, Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế (CIAT), Viện Di truyền Nông nghiệp, Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới Quốc tế, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc...) trong công tác nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất giống khoai mì có tính kháng bệnh tốt.

Tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất tạo hiệu quả thực sự trong liên kết, đặc biệt là thúc đẩy nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân; phát huy mạnh vai trò của các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương, sản phẩm, ngành hàng. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ thành lập mới và đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa hộ gia đình và doanh nghiệp, tổ chức hợp tác xã và tổ chức tín dụng. Tiếp tục khuyến khích người sản xuất duy trì việc sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP nhằm tạo ra sản phẩm xanh, sạch, đảm bảo chất lượng và góp phần gìn giữ tốt môi trường.

Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo hướng giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Đẩy nhanh thực hiện phương án sử dụng đất của các công ty nông nghiệp được các cấp có thẩm quyền phê duyệt nhất là các khu đất công để tạo điều kiện thu hút đầu tư.

Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất tạo hiệu quả thực sự trong liên kết, đặc biệt là thúc đẩy nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân; sớm hình thành và phát huy mạnh vai trò của các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Tăng cường thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào vùng trồng ứng dụng công nghệ cao, đầu tư cơ sở giết mổ và nhà máy chế biến các sản phẩm nông sản thế mạnh của tỉnh theo chuỗi giá trị. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hệ thống danh mục và cơ chế chính sách cho các dự án nông nghiệp cần thu hút đầu tư, nhằm thu hút các nguồn lực tham gia đầu tư vào nông nghiệp của tỉnh.

7. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại, hợp tác kết nối vùng

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết phát triển vùng, chương trình hợp tác trong phát triển nông nghiệp với Viện, Trường, Trung tâm và các tỉnh Bình Phước, Long An, TP.HCM...

Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTXNN, hộ nông dân tham gia kết nối tiêu thụ nông sản, liên kết với các hệ thống siêu thị và cửa hàng lớn trong và ngoài tỉnh và tham gia các sàn thương mại điện tử, nhất là sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh.

Tăng cường công tác thông tin thị trường nhằm cung cấp kịp thời cho người sản xuất về tình hình giá vật tư nông nghiệp, giá cả thị trường để người dân chủ động điều chỉnh quy mô sản xuất, cân đối cung cầu phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Xây dựng các phim, tài liệu phục vụ truyền thông quảng bá thương hiệu nông sản Tây Ninh trên các kênh truyền thông, các báo và tạp chí lớn, các kênh online cũng như thí điểm trên phần mềm OCOP của tỉnh.

8. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra chuyên ngành năm 2024, đồng thời triển khai các cuộc thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch thanh tra của tỉnh năm 2024 thuộc lĩnh vực quản lý của Ngành; ngoài ra, tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có thông tin phản ánh của người dân, cơ quan chức năng toàn diện trên các lĩnh vực thuộc ngành Nông nghiệp và PTNT (nhất là về quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm); thực hiện công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh đe dọa đến sức khỏe người tiêu dùng, môi trường sinh thái và mất uy tín sản phẩm nông lâm thủy sản và xử lý nghiêm đúng quy định các trường hợp vi phạm, cụ thể: (1) thanh tra, kiểm tra 05 cuộc về an toàn thực phẩm⁴¹; (2) thanh tra, kiểm tra 05 cuộc về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống, cây giống tại các cơ sở kinh doanh; (3) 02 cuộc thanh tra, kiểm tra về thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và thuốc thú y tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; (4) 03 cuộc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật (lĩnh vực chăn nuôi, thủy lợi, lâm nghiệp)⁴².

Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, cơ quan, tổ chức theo đúng quy định; tập trung tham mưu, giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại, tố cáo, đạt tỷ lệ giải quyết 100%; thực hiện kiểm tra, xác minh làm rõ các đơn thư tố cáo tham nhũng (nếu có) và nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc nắm bắt tình hình, phát hiện tham nhũng trong các lĩnh vực quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT.

9. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng và triển khai thực hiện: Kế hoạch phát triển đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2024; kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn năm 2024.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CCVC trong Ngành năm 2024, tiếp tục xem xét, cử CCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch năm 2024; tiếp tục phối hợp Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng và lâm nghiệp đối với CCVC trong Ngành; đề xuất danh mục ngành, nghề thu hút nhân lực có trình độ đại học loại giỏi, xuất sắc trở lên; thạc sĩ, tiến sĩ đạt chuẩn theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND về công tác tại các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, nhất là

⁴¹ gồm: 01 cuộc thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; 03 cuộc kiểm tra an toàn thực phẩm trong các đợt: Tết Nguyên đán và Lễ hội Xuân năm 2024; Tháng hành động vì an toàn thực phẩm; Tết Trung thu; 01 cuộc kiểm tra chấp hành quy định của pháp luật đối với các cơ sở giết mổ.

⁴² Đối với: các cơ sở chăn nuôi, các công trình cấp nước và tại Ban quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen.

các lĩnh vực khó tuyển dụng như: nông học, trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy lợi, lâm nghiệp,

10. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

Triển khai nhiệm vụ CCHC năm 2024 đến các phòng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở. Đăng ký nội dung rà soát quy định TTHC năm 2024 theo quy định. Trình UBND tỉnh công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành; tăng cường công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; thực hiện chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2024 theo quy định.

Tiếp tục tập trung thực hiện việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị. Hoàn thành rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả công việc công chức, viên chức và người lao động (CCVCNLD); quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ CCVC theo vị trí việc làm. Thực hiện rà soát trình độ đào tạo, năng lực của CCVC để sắp xếp, bố trí, sử dụng phù hợp với vị trí việc làm, trình độ, năng lực, sở trường và yêu cầu nhiệm vụ.

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp giai đoạn 2023-2025. ứng dụng công nghệ thông tin cập nhật thông tin hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo tại Sở; tiếp tục rà soát, rà soát xây dựng cơ sở dữ liệu ngành (phần mềm đánh giá sản phẩm OCOP, xây dựng kho cơ sở dữ liệu dùng chung, các phân hệ chuyên ngành); đề xuất triển khai thực hiện quản lý cấp phép TTHC tập trung; phối hợp UBND thị xã Hòa Thành trình UBND tỉnh phê duyệt Đề xuất mô hình thí điểm nông thôn mới thông minh của UBND xã Trường Đông.

V. KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 của UBND tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Nguồn vốn chi thường xuyên

- **Tổng thu:** dự kiến năm 2024 tổng thu (phí, lệ phí) 6.582 triệu đồng, tăng 9,1% so với ước thực hiện năm 2023.

- **Tổng chi:** dự kiến tổng vốn chi thường xuyên đề nghị năm 2024 là 107.566 triệu, tăng 4,9% so với ước thực hiện năm 2023. Trong đó:

* Chi cân đối ngân sách địa phương 96.119 triệu đồng, gồm:

+ Chi quản lý hành chính 37.693 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp kinh tế 53.930 triệu đồng (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 35.890 triệu đồng, sự nghiệp lâm nghiệp 13.537 triệu đồng, sự nghiệp thủy lợi 4.103 triệu đồng; sự nghiệp kinh tế khác 400 triệu đồng).

+ Chi sự nghiệp môi trường 3.220 triệu đồng.

+ Chi sự nghiệp đào tạo 1.026 triệu đồng + Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 250 triệu đồng

* Chi Chương trình Mục tiêu quốc gia (vốn ngành quản lý): 11.447 triệu đồng.

2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản (XD CB): dự kiến tổng vốn đầu tư công được giao năm 2024 là 383,947 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 153 tỷ đồng, ngân sách địa

phương 230,947 tỷ đồng), tăng 120% so với năm 2023 để thực hiện 37 dự án gồm: 05 dự án chuẩn bị đầu tư (1,180 tỷ đồng), 22 dự án chuyển tiếp (278,340 tỷ đồng), 02 dự án khởi công mới (102 tỷ đồng), 08 thanh toán khối lượng đã và đang thực hiện (2,427 tỷ đồng).

Trên đây là báo cáo ước thực hiện kế hoạch năm 2023, xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và PTNT năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, P.KHTC.PV.

GIÁM ĐỐC